

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 27-11-2019

V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy và bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 316/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2019/HNGĐ- ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn A, xã H thị xã KM, tỉnh Hải Dương

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, thị xã KM, tỉnh Hải Dương

(Chị G có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19-8-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn vào ngày 28-02-2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được

khoảng hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không có quan điểm chung trong cách sống cũng như làm ăn kinh tế nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Năm 2013 chị đi làm ăn xa thỉnh thoảng chị về nhà. Anh K ở nhà không chịu làm ăn lo toan kinh tế, nhiều lần chị và gia đình đã khuyên giải động viên nhưng anh K không nghe. Đến tháng 8 năm 2019 chị về nhà nhưng cũng không về chung sống cùng anh K mà về ở cùng với bố mẹ đẻ chị. Chị xác định anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể hòa thuận được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh K. Do chị và anh K xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể gặp gỡ nhau để làm thủ tục hòa giải được. Vì nếu chị có gặp anh K hai bên sẽ xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, khó tránh khỏi xô xát. Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và căn cứ vào ý kiến của chị để giải quyết vụ án vắng mặt.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 14-01-2004 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 30-4-2010. Kể từ khi anh chị sống ly thân các cháu vẫn đang ở cùng với anh K. Nay vợ chồng anh chị ly hôn chị đề nghị mỗi người nuôi một cháu. Nếu anh K có nguyện vọng nuôi cả hai cháu và các cháu đều có nguyện vọng ở cùng với bố thì chị cũng đồng ý giao con cho anh K nuôi dưỡng. Chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh Đ mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn xong đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị G được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa như chị G khai là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2012 anh đi làm ăn xa chị G cũng muốn đi làm ăn xa nhà nhưng anh không đồng ý. Chị G đã tự ý đi làm ăn xa không nói gì với anh. Sau 3 năm chị G không đi làm ăn nữa nhưng ở nhà được một thời gian lại bỏ đi làm ăn. Từ năm 2016 chị G làm ăn xa nhà thỉnh thoảng có gọi điện nhưng hai bên chỉ cãi nhau. Kể từ năm 2016 chị G không về thăm gặp bố con anh lần nào. Đến tháng 8 năm 2019 chị G đi về nhà nhưng cũng không về ở cùng với bố con anh mà lại làm đơn xin ly hôn. Anh xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012 và sống ly thân từ năm 2016 đến

nay. Anh cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị G xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 14-01-2004 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 30-4-2010. Hiện nay các cháu đều đang ở cùng với anh. Nay vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Anh yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi dưỡng một cháu. Chị G cấp dưỡng nuôi cháu nào và số tiền cụ thể bao nhiêu thì tùy chị ấy quyết định. Còn anh sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng một cháu. Nếu chị G không đưa ra được mức cấp dưỡng cụ thể thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi một cháu theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 14-01-2004 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 30-4-2010 cho anh Nguyễn Văn K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị G hàng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Minh Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng thời gian kể từ ngày 27-11-2019 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh K có trách nhiệm nuôi dưỡng một cháu không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt chị Giang, anh Kiên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn K được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Anh K và chị G cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị G và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Giang, xử cho chị được ly hôn anh K là có căn cứ.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 14-01-2004 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 30-4-2010. Chị G xác định kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay các con vẫn ở cùng với anh Kiên. Nay vợ chồng ly hôn anh K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Chị G đồng ý cho anh K nuôi dưỡng. Mặt khác cháu Nguyễn Văn C và Nguyễn Minh Đ đều có nguyện vọng ở cùng với bố. Xét nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 14-01-2004 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 30-4-2010 cho anh Nguyễn Văn K được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh K yêu cầu chị G phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi một cháu còn anh sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng một cháu không yêu cầu chị phải cấp dưỡng cả hai. Chị G cấp dưỡng cho cháu nào và số tiền bao nhiêu do chị G tự quyết định. Chấp nhận sự tự nguyện của chị G về việc hàng tháng cấp dưỡng nuôi

cháu Nguyễn Minh Đ là 2000.000 đồng/ tháng thời gian kể từ ngày 27-11-2019 đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh K sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng một cháu, tự nguyện không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra việc giải quyết cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Văn C.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 14-01-2004 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 30-4-2010 cho anh Nguyễn Văn K được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh Đ là 2.000.000 đồng/ tháng thời gian kể từ ngày 27-11-2019 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Văn C.

Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ không thanh toán thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nuôi con hàng tháng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008043 ngày 20-8-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, chị G còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND xã Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt